

MỤC LỤC

I. Quy định chung

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động kinh doanh
 - a. Điều kiện kinh tế và tình hình thị trường
 - b. Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm
2. Tổ chức và nhân sự
 - a. Nhân sự Ban điều hành
 - b. Cán bộ, nhân viên và chính sách lao động
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
 - a. Các khoản đầu tư lớn
 - b. Các công ty liên kết
4. Tình hình tài chính
 - a. Tình hình tài chính
 - b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
 - a. Cổ phần
 - b. Cơ cấu cổ đông
 - c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội
 - a. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
 - b. Chính sách liên quan đến người lao động

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

V. Báo cáo tài chính

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100106063 cấp ngày 22/2/2010; cấp thay đổi lần thứ sáu ngày 22/09/2015 tại Sở KHĐT Hà Nội.
- Vốn điều lệ: 156.800.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu tỷ tám trăm triệu đồng)
- Địa chỉ: Số 41 phố Phương Liệt – phường Phương Liệt - quận Thanh Xuân – thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 04 3869 1172
- Số fax: 04 3869 1802
- Website: tranphucable.com.vn

1.1. Thành lập và phát triển:

- Năm 1984, Công ty được sáp nhập trên cơ sở từ hai xí nghiệp (Xí nghiệp Cơ khí xây dựng và Xí nghiệp Cơ khí Trần Phú) lấy tên là Xí nghiệp Cơ khí xây dựng Trần Phú.
- Năm 1992, thực hiện Nghị định số 388/HĐBT của Hội đồng bộ trưởng thành lập lại doanh nghiệp nhà nước, Xí nghiệp Cơ khí xây dựng Trần Phú được thành lập và lấy tên là Nhà máy Cơ điện Trần Phú.
- Năm 1995, để phát triển quy mô sản xuất lớn, Nhà máy Cơ điện Trần Phú được đổi tên thành Công ty Cơ điện Trần Phú.
- Năm 2004, thực hiện chủ trương sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước của Thành phố Hà nội, Công ty Cơ điện Trần Phú chuyển thành Công ty TNHH nhà nước một thành viên Cơ điện Trần Phú.
- Năm 2010, Công ty TNHH Nhà nước MTV Cơ điện Trần Phú được cổ phần hóa chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú.

1.2. Các mốc sự kiện:

- Quyết định số 4018/QĐ-UB ngày 12/9/1984 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc sáp nhập Xí nghiệp Cơ khí xây dựng và Xí nghiệp Cơ khí Trần Phú.
- Quyết định số 3362/QĐ-UB ngày 22/12/1992 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc thành lập Nhà máy Cơ điện Trần Phú.
- Quyết định số 4505/QĐ-UB ngày 20/12/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc đổi tên Nhà máy Cơ điện Trần Phú thành Công ty Cơ điện Trần Phú.
- Quyết định số 131/2004/QĐ-UB ngày 23 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Cơ điện Trần Phú thành Công ty TNHH nhà nước một thành viên Cơ điện Trần Phú
- Quyết định số 416-QĐ-UB ngày 25/1/2010 của UBND thành phố Hà nội;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100106063 cấp ngày 22/2/2010 tại Sở KHĐT Hà nội với số vốn điều lệ là 56.000.000.000 đồng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100106063 cấp thay đổi lần thứ sáu ngày 22/09/2015 tại Sở KHĐT Hà Nội với số vốn điều lệ là 156.800.000.000 đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm dây cáp điện, dây điện mềm ruột đồng, nhôm, kinh doanh thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại như đồng, nhôm, nhựa PVC

- Địa bàn kinh doanh: Hà Nội, các tỉnh thành phía Bắc

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị: Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần theo quy định Luật Doanh nghiệp.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý

- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

- **Hội đồng quản trị (HĐQT):** do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

+ Từ ngày 01/01/2015- 02/09/2015: HĐQT có 8 thành viên (nhiệm kỳ I)

+ Từ ngày 03/09/2016 – 31/12/2015: HĐQT có 05 thành viên (nhiệm kỳ II).

- **Ban kiểm soát (BKS):** do ĐHĐCĐ bầu ra để thực hiện nhiệm vụ giám sát HĐQT, Ban giám đốc công ty trong việc quản lý và điều hành công ty. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

+ Từ ngày 01/01/2015- 02/09/2015: BKS có 5 thành viên (nhiệm kỳ I)

+ Từ ngày 03/09/2016 – 31/12/2015: BKS có 02 thành viên (nhiệm kỳ II).

- **Ban giám đốc:** gồm 04 thành viên trong đó có 01 Tổng giám đốc, 02 Phó Tổng giám đốc và 01 Kế toán trưởng.

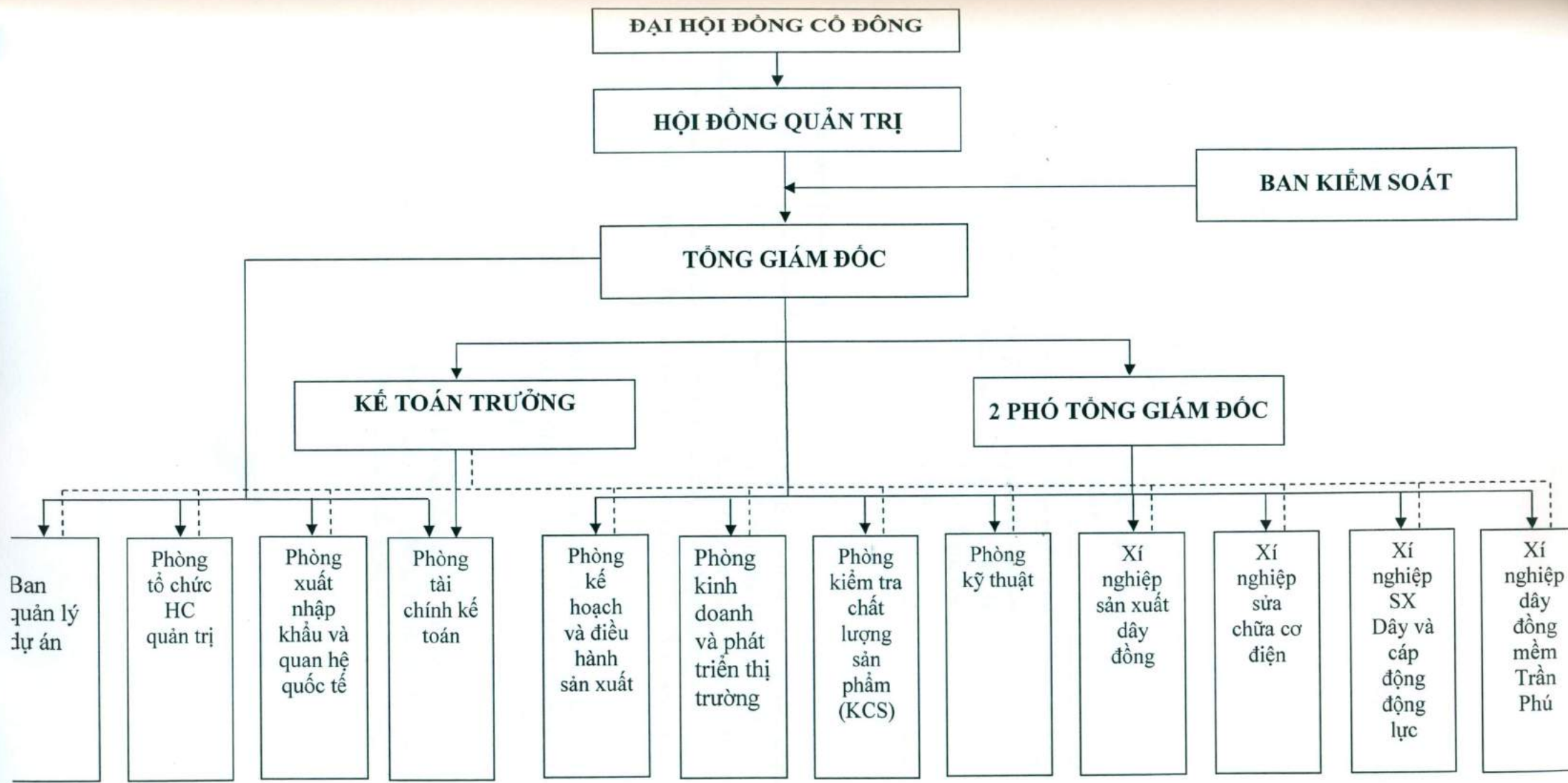
- **Tổng giám đốc:** do HĐQT bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động kinh doanh của công ty theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua. Tổng giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- **Phó tổng giám đốc:** Hỗ trợ Tổng giám đốc trong các lĩnh vực theo sự phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

- **Kế toán trưởng:** có nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của công ty. Chịu trách nhiệm trực tiếp trước giám đốc công ty về các công việc thuộc phạm vi, trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng.

- **Các phòng chức năng:** chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho Giám đốc điều hành các công việc thuộc phạm vi chức năng của phòng đồng thời phối hợp với các đơn vị trực thuộc thực hiện mục tiêu và chiến lược của công ty.

- **Các xí nghiệp sản xuất:** Có nhiệm vụ triển khai kế hoạch sản xuất kinh theo lệnh của Ban giám đốc đưa xuống.



Ghi chú :  : Quan hệ chỉ đạo trực tiếp
  : Quan hệ chỉ đạo 1 phần

- Các công ty liên kết:

Stt	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn góp (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty CP Dây điện và phích cắm Trần Phú	Lô số 4 – CN4 cụm Công nghiệp Từ Liêm, p. Minh Khai, q.Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại dây và cáp bọc cách điện, các thiết bị phụ tùng phục vụ ngành điện và chiếu sáng	25.748.228.173	40,66%
2	Công ty CP Dây và ống đồng Trần Phú	Khu công nghiệp Đình Trám, Bắc Giang	Sản xuất, kinh doanh các loại dây và cáp điện, ống đồng các loại.	34.859.552.566	40,88%

4. Định hướng phát triển

Công ty CP Cơ điện Trần Phú hướng đến trở thành một thương hiệu mạnh của Thủ đô và trong khu vực Đông Nam Á với đầy đủ các chức năng hoạt động theo luật định, tuân thủ chặt chẽ các chuẩn mực quốc tế. Phân đầu đạt mức tăng trưởng hàng năm khoảng (5 - 10)%, phát triển và chiếm lĩnh thị trường dây, cáp điện trong nước và định hướng xuất khẩu các sản phẩm vào thị trường các nước trong khu vực và trên thế giới

5. Các rủi ro

- Những nhân tố có ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của công ty bao gồm tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã hội, thị trường, lãi suất, lạm phát, tỷ giá hối đoái, sự biến động giá của vật tư chính đầu vào như đồng, nhôm ... Do đó tình hình sản xuất kinh doanh của công ty có thể bị ảnh hưởng theo.

- Một số rủi ro mang tính bất khả kháng như động đất, thiên tai, hạn hán, hỏa hoạn, bão lụt, chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo ... đều ảnh hưởng đến nền kinh tế của quốc gia trong đó có ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ% TH/KH
1	Doanh thu thuần	Tr. đồng	1.200.000	1.551.620	129%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	29.400	127.575	434%
3	Nộp ngân sách	Tr. đồng	25.000	27.673	110%

b. Tình hình thực hiện năm 2015 so với năm 2014:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2015: 99.389.073.959 đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2014: 20.919.559.346 đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2015 tăng so với năm 2014: 78.469.514.613 đồng
- Tỷ lệ tăng: 375%

* Nguyên nhân tăng:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2015 so với năm 2014 tăng 251,6 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 19%.
- Giá vốn hàng bán chỉ tăng 137,3 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 12%.
- Lợi nhuận gộp tăng 114,26 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 83%.

Nguyên nhân giá vốn hàng bán không tăng theo tỷ lệ tăng doanh thu làm cho lợi nhuận gộp và lợi nhuận sau thuế TNDN tăng như trên là do chi phí nguyên vật liệu chính của năm 2015 so với năm 2014 giảm khoảng 22 %.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

a. Nhân sự Ban điều hành trong năm 2015 bao gồm:

- Ông Quản Ngọc Cường – Nguyên Tổng giám đốc
- Bà Đỗ Thị Thu Trà – Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Việt Cường – Phó Tổng giám đốc
- Ông Đào Hoài Nam – Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Tô Duy – Người phụ trách kế toán.

- Nguyên Tổng giám đốc – Ông Quản Ngọc Cường
- Họ và tên: Quản Ngọc Cường Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 27/09/1955
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số Giấy CMND: 011713647 cấp ngày 31/12/2013 tại Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy
- Sở hữu cổ phần: 10.360 cổ phần
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ tháng 01/1987 đến tháng 5/1989	XN Cơ khí Xây dựng Trần Phú.	Trưởng phòng Kế hoạch
Từ tháng 06/1989 đến tháng 10/1991	XN Cơ khí Xây dựng Trần Phú.	Quản đốc phân xưởng
Từ tháng 11/1991 đến tháng 12/1993	Nhà máy Cơ điện Trần Phú.	Quản đốc phân xưởng Cáp nhôm
Từ tháng 01/1994 đến tháng 06/1998	Nhà máy Cơ điện Trần Phú sau đổi tên thành Công ty Cơ điện Trần Phú.	Trưởng phòng Kỹ thuật
Từ tháng 7/1998 đến tháng 11/2009	Công ty Cơ điện Trần Phú sau đổi tên thành Công ty TNHH NN MTV Cơ điện Trần Phú nay là Công ty CP Cơ điện Trần Phú.	Phó Giám đốc
Từ tháng 12/2009 đến 11/2013	Công ty cổ phần Cơ điện Trần Phú.	Tổng giám đốc
Từ tháng 12/2013 đến 22/09/2015	Công ty cổ phần Cơ điện Trần Phú.	Chủ tịch HĐQT Kiêm Tổng giám đốc Công ty.

- Tổng giám đốc – Bà Đỗ Thị Thu Trà
- Họ và tên: Đỗ Thị Thu Trà Giới tính: Nữ
- Ngày, tháng, năm sinh: 03/04/1975
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số Giấy CMND: 011937080 cấp ngày 24/08/2010 tại Hà Nội

- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Thạc sĩ quản trị kinh doanh
- Sở hữu cổ phần: 34.400 cổ phần
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ tháng 4/2004 đến tháng 11/2008	Cty TNHH NN MTV cơ điện Trần Phú.	Phó phòng Tài chính Kế toán
Từ tháng 12/2008 đến tháng 4/2010	Cty TNHH NN MTV cơ điện Trần Phú nay là	Trưởng phòng Tài chính Kế toán
Từ tháng 5/2010 đến 03/09/2015	Công ty cổ phần cơ điện Trần Phú.	làm Kế toán trưởng
Từ tháng 09/2015 – 31/12/2015	Công ty cổ phần cơ điện Trần Phú.	Tổng giám đốc công ty

- Phó tổng giám đốc – Ông Nguyễn Việt Cường
- Họ và tên: Nguyễn Việt Cường Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 19/06/1972
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số Giấy CMND: 011702447 cấp ngày 1/3/2008 tại Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xây dựng
- Sở hữu cổ phần: 4.760
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ tháng 4/2002 đến tháng 4/2004	Công ty CP Cơ điện Trần Phú.	cán bộ phòng Kỹ thuật
Từ tháng 5/2004 đến tháng 5/2010	Cty TNHH NN MTV cơ điện Trần Phú nay là Công ty CP Cơ điện Trần Phú.	Trưởng phòng Kỹ thuật Chất lượng
Từ tháng 6/2010 đến 31/12/2015	Công ty CP Cơ điện Trần Phú.	Phó tổng giám đốc

- Phó tổng giám đốc – Ông Đào Hoài Nam
- Họ và tên: Đào Hoài Nam Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 23/07/1976

- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số Giấy CMND: 011742770 cấp ngày 19/06/2007 tại Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Thạc sĩ quản trị doanh nghiệp – Cử nhân ngoại ngữ Tiếng Anh.
- Sở hữu cổ phần: 3.920
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ tháng 3/2008 đến tháng 14/3/2010	Cty TNHH NN MTV cơ điện Trần Phú nay là Công ty CP Cơ điện Trần Phú.	Trưởng phòng Kinh doanh Tổng hợp.
Từ tháng 3/2010 đến tháng 5/2010	Cty TNHH NN MTV cơ điện Trần Phú nay là Công ty CP Cơ điện Trần Phú.	Trưởng phòng XNK quan hệ quốc tế và phát triển thị trường nước ngoài
Từ tháng 6/2010 đến 31/12/2015	Công ty CP Cơ điện Trần Phú.	Phó tổng giám đốc

- Người phụ trách kế toán – Ông Nguyễn Tô Duy
- Họ và tên: Nguyễn Tô Duy Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 13/08/1978
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số Giấy CMND: 011850463 cấp ngày 21/05/2012 tại Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Sở hữu cổ phần: 2.600
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ tháng 01/2002 đến tháng 4/2010	Công ty TNHH NN MTV cơ điện Trần Phú	Kế toán viên
Từ tháng 05/2010 đến 03/09/2015	Công ty CP Cơ điện Trần Phú	Phó phòng tài chính kế toán
Từ tháng 09/2015 – 31/12/2015	Công ty CP Cơ điện Trần Phú	Người phụ trách kế toán

b. Cán bộ, nhân viên và chính sách lao động:

- Trong năm, số lượng cán bộ, nhân viên làm việc tại Công ty là 280 người. Công ty luôn đặt người lao động ở vị trí trung tâm, nên chính sách nhân sự của Công ty được xây dựng nhằm quan tâm toàn diện tới người lao động, khuyến khích người lao động phát huy tính sáng tạo và thể mạnh của mỗi cá nhân.

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

+ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động.

+ Phát sữa chống nóng cho CBCNV khi nhiệt độ lên đến 35°C.

+ Tổ chức nghỉ mát hàng năm cho CBCNV.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Đầu tư vào Dự án xây dựng di chuyển nhà máy sản xuất dây cáp điện Công ty TNHH nhà nước 1 thành viên cơ điện Trần Phú (nay là Công ty cổ phần cơ điện Trần Phú)

Hiện nay Công ty đã triển khai được một số các hạng mục dự án bao gồm:

- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng xây dựng nhà máy mới
- Chi phí chung khác xây dựng nhà máy mới
- Xây dựng nhà hành chính, ăn ca (phần thô)
- Một phần Sân đường nội bộ và thoát nước
- San nền kê đá, kê đất hàng rào nhà máy
- Một phần hạng mục nhà xưởng số 01
- Trạm cấp nước
- Đường dây 22KV và trạm biến áp 12.000KVA – 22/0.4KV

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2014	2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	368.451.833.688	529.843.142.104	143,8%
Doanh thu thuần	1.300.008.999.400	1.551.620.671.585	119%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	29.082.012.195	127.485.389.915	438%
Lợi nhuận khác	183.219.398	89.887.979	- 49%
Lợi nhuận trước thuế	29.265.231.593	127.575.277.894	436%
Lợi nhuận sau thuế	20.919.559.346	99.389.073.959	475%

Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%		
----------------------------	-----	--	--

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2014	Năm 2015
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	0.99	1.63
Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0.3	0.637
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.566	0.396
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.3	0.657
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	6.58	7.36
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3.53	2.93
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.016	0.064
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.131	0.31
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.057	0.187
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.0224	0.08

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) *Cổ phần:* Công ty chỉ có một loại cổ phần là cổ phần phổ thông, trong đó:

- Tổng số cổ phần đã phát hành: 15.680.000 cổ phần.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 15.680.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Theo tiêu chí cổ đông lớn, cổ đông nhỏ:

Cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn	5	77,65%
Cổ đông nhỏ	246	22,35%

- Theo tiêu chí cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân:

Cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông tổ chức	3	52,4%
Cổ đông cá nhân	248	47,6%

- Theo tiêu chí sở hữu nước ngoài:

Cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông trong nước	251	100%
Cổ đông ngoài nước	0	0%

- Theo tiêu chí sở hữu nhà nước:

Cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông Nhà nước	1	38,87%
Cổ đông ngoài nhà nước	250	61,13%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1. Theo đó, tăng vốn điều lệ từ 78.400.000.000 đồng lên 156.800.000.000 đồng.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 9.434.060 kg.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

TT	Nhiên liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Điện	Kw	9468500	Phục vụ SX
2	Xăng	Lít	8122	Dùng cho xe con
3	Dầu diesel	Lít	20143	Dùng cho xe nâng và máy phát điện

4	Gas	Kg	687	Dùng gia tăng nhiệt trong công đoạn bọc cáp XLPE.
5	Than	Kg	102510	

b) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn cung cấp nước: Nước thành phố, lượng nước sử dụng trong năm: 23982 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không lần

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động bình quân: 280 người.

- Bình quân thu nhập: 11-12 triệu đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

+ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động.

+ Phát sữa chống nóng cho CBCNV khi nhiệt độ lên đến 35°C.

+ Tổ chức nghỉ mát hàng năm cho CBCNV.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Cử cán bộ công nhân viên tham dự các chương trình đào tạo ngắn hạn để bổ sung kiến thức chuyên môn theo yêu cầu của các đơn vị.

- Hàng năm tổ chức tập huấn cấp cứu, tập huấn an toàn bảo hộ lao động cho toàn thể CBCNV.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ

tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

- Ủng hộ các chương trình khuyến học, lá lành đùm lá rách, ủng hộ đồng bào lũ lụt....

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Nhận thức được những khó khăn và thuận lợi trong quá trình thực hiện, ngoài việc hoàn thành kế hoạch đề ra, Công ty đã chủ động bám sát diễn biến tình hình kinh tế trong và ngoài nước cũng như giá cả vật tư trên thị trường thế giới, xác định xu hướng và hoạch định chiến lược về giá, tiếp tục xúc tiến các hoạt động quảng bá thương hiệu, các công tác tiếp thị nhằm tạo điều kiện cho khách hàng phân biệt được sản phẩm dây cáp điện 41 phương liệt, cùng với đó công ty liên tục rà soát, đánh giá và có những giải pháp điều chỉnh và cải tiến kịp thời nâng cao năng lực sản xuất, tăng sản lượng sản xuất đáp ứng đủ nhu cầu thị trường.... Đây là những yếu tố hết sức quan trọng nhằm giữ vững được lòng tin của khách hàng, uy tín của Công ty và kiểm soát được sự biến động khó lường của thị trường. Bên cạnh đó là nỗ lực lớn của CBCNV toàn Công ty, sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc đưa ra các chiến lược kinh doanh, ứng phó với tình hình kinh tế cũng như môi trường cạnh tranh nhằm tạo ra hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo cuộc sống ổn định cho 300 lao động cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.

Bên cạnh đó mọi hoạt động của Công ty được tuân thủ theo luật doanh nghiệp và điều lệ công ty.

2. Tình hình tài chính

Công ty có cơ cấu tài sản vững mạnh với hoạt động kinh doanh khả quan. Quản lý tài chính chặt chẽ, hiệu quả, tiết kiệm, huy động vốn và sử dụng vốn linh hoạt, hiệu quả cao.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, bảo hộ, đảm bảo kiểm soát được chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật sản phẩm làm ra.
- Lựa chọn đối tác để hợp tác sản xuất, phân phối dây cáp điện các loại, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của thị trường và người tiêu dùng.
- Phát huy sức mạnh của tập thể, vai trò của các tổ chức đoàn thể chính trị trong tất cả các hoạt động kinh tế, chính trị xã hội, đời sống, việc làm.
- Thực hiện tốt công tác ATLĐ, VSMT, PCCN giảm chi phí nâng cao hiệu quả SXKD.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Về công tác bán hàng và phát triển thị trường: Công tác bán hàng và phát triển thị trường trong năm 2015 đã thực hiện tốt, doanh số bán hàng của sản phẩm dây điện dân dụng có sự tăng trưởng vượt bậc. Bằng nhiều biện pháp cũng như nỗ lực, công ty

đã hoàn thiện, phát triển mảng thị trường sản phẩm dây điện cả về bề rộng và chiều sâu.

- Về Công tác kinh tế - kế hoạch: Công tác lập kế hoạch và điều độ sản xuất được thực hiện tốt, linh hoạt, số liệu kế hoạch sát với thực tế hàng ngày, tuần, tháng đã phát huy tối đa năng lực hiện có tại công ty.
- Về công tác sản xuất: Luôn chú trọng chất lượng sản phẩm là giá trị cốt lõi của công ty, là sự sống còn của công ty. Phát huy hết công suất của các máy móc thiết bị hiện có.
- Công tác tổ chức và chính sách đối với người lao động: Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước đối với người lao động. Đời sống và việc làm của người lao động ngày càng được cải thiện rõ rệt.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng theo định hướng phát triển và các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra; trong điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tính năng động sáng tạo và đoàn kết vượt qua khó khăn để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, cụ thể như sau:

- Trong điều hành động kinh doanh, Ban Tổng giám đốc đã đưa ra các cơ chế, chính sách kinh doanh hợp lý đem lại hiệu quả.
- Công tác phát triển thị trường được thực hiện một cách có hiệu quả, thị trường trọng điểm của công ty được giữ vững.
- Sản phẩm dây điện mềm của công ty luôn ổn định và có chất lượng cao, được thị trường chấp nhận
- Việc triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được Ban Tổng giám đốc thực hiện triệt để, có hiệu quả.
- Tình hình tài chính, các khoản chi phí được kiểm soát tốt
- Công tác đầu tư xây dựng cơ bản được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Thực hiện tốt các chính sách tiền lương, thưởng, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.
- Chấp hành tốt các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty trong quá trình điều hành công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Phát huy thế mạnh sản phẩm dây điện dân dụng, không ngừng phát triển và củng cố thị phần, bảo vệ và nâng cao thương hiệu "TRAFUCO"
- Tìm kiếm thị trường xuất khẩu dây cáp điện trước mắt là khu vực Đông nam á.

- Tham gia đấu thầu, tích cực tìm kiếm các hợp đồng cung cấp những dự án lớn để cung cấp sản phẩm cáp điện các loại trên cơ sở giá hòa (đủ chi phí), tạo công ăn việc làm cho CBCNV và phân đầu có lãi.

- Có chính sách kinh doanh linh hoạt để ổn định giữ vững thị phần và phát triển thị phần tiêu thụ trong nước (trước mắt là thị trường miền bắc sau phát triển ra các thị trường miền trung, miền nam) chú trọng vào chính sách giá, công tác truyền thông, quảng bá để hỗ trợ thị trường.

- Tìm kiếm đối tác có đủ năng lực để hợp tác sản xuất kinh doanh cáp điện trong giai đoạn Công ty chưa có đủ nguồn lực để tự đầu tư nhằm phát huy ưu thế thương hiệu “Dây cáp điện Trần Phú”, tăng nguồn thu cho Công ty.

- Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, bảo hộ, đảm bảo kiểm soát được chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật sản phẩm làm ra.

- Chỉ đạo các mặt hoạt động của công ty nhằm hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 do ĐHCĐ thông qua đảm bảo an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.

V. Báo cáo tài chính (đính kèm)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



ĐỒ THỊ THU TRÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05-06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	07-40
Bảng cân đối kế toán	07-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12-40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú được chuyển đổi từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Cơ điện Trần Phú theo Quyết định số 416/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 25/01/2010. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106063 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/02/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 22/09/2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 41 - Phương Liệt - Thanh Xuân - Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 02/09/2015

Ông Quận Ngọc Cường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Cường	Ủy viên
Ông Đào Hoài Nam	Ủy viên
Bà Đỗ Thị Thu Trà	Ủy viên
Bà Trần Thị Ngà	Ủy viên
Ông Trần Hải Đăng	Ủy viên
Ông Bạch Ngọc Du	Ủy viên

Từ ngày 03/09/2015 đến nay

Ông Hoa Đức Tuấn	Chủ tịch
Ông Bạch Ngọc Du	Ủy viên
Ông Nguyễn Nam	Ủy viên
Ông Phạm Thành Nam	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đỗ Thị Thu Trà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/09/2015
Ông Quận Ngọc Cường	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/09/2015
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đào Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc	

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

Số 41 - Phương Liệt - Thanh Xuân - Hà Nội

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 02/09/2015

Ông Nguyễn Dũng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tô Duy	Thành viên
Ông Lưu Quang Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Quyền	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thanh	Thành viên

Từ ngày 03/09/2015 đến nay

Bà Đặng Thành Lan	Thành viên
Ông Phạm Đình Thắng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

Số 41 - Phương Liệt - Thanh Xuân - Hà Nội

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Thu Trà

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Số: 649/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú được lập ngày 10 tháng 03 năm 2016, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Trần Quang Màu

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0668-2013-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

TP. HÀ NỘI
T
I
A
I
E
P
I

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		343.429.178.173	206.018.329.140
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	109.518.972.299	10.953.613.465
111	1. Tiền		109.518.972.299	10.953.613.465
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		21.522.789.937	42.499.117.784
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	44.548.357.920	60.052.920.492
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		387.679.588	1.484.878.080
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	409.004.309	156.896.008
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	7	(36.960.708.609)	(32.334.033.525)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	8	13.138.456.729	13.138.456.729
140	IV. Hàng tồn kho	10	209.527.199.484	143.650.229.949
141	1. Hàng tồn kho		209.527.199.484	144.361.958.731
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(711.728.782)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.860.216.453	8.915.367.942
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	1.781.119.540	4.793.715.246
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	1.079.096.913	4.121.652.696
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		186.413.963.931	162.433.504.548
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	1.000.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	-	1.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		65.874.264.330	32.547.901.089
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	64.263.220.943	32.372.091.242
222	- Nguyên giá		259.275.328.220	220.074.608.127
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(195.012.107.277)	(187.702.516.885)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	1.611.043.387	175.809.847
228	- Nguyên giá		2.262.995.423	769.174.423
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(651.952.036)	(593.364.576)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	89.397.990.579	95.877.210.228
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		89.397.990.579	95.877.210.228
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	28.732.300.316	28.503.460.192
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		60.836.620.863	60.607.780.739
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(32.104.320.547)	(32.104.320.547)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.409.408.706	4.504.933.039
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	2.409.408.706	4.504.933.039
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		529.843.142.104	368.451.833.688

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		210.191.735.437	208.582.443.761
310	I. Nợ ngắn hạn		210.191.735.437	208.582.443.761
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	49.754.939.488	71.135.539.016
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		10.617.711.131	10.279.261.879
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	19.645.813.397	615.261.810
314	4. Phải trả người lao động		10.050.939.233	9.565.643.168
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	5.303.923.218	4.132.630.369
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	35.548.911.038	28.437.569.147
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	75.837.330.347	81.564.672.540
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.432.167.585	2.851.865.832
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		319.651.406.667	159.869.389.927
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	319.651.406.667	159.869.389.927
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		156.800.000.000	78.400.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		156.800.000.000	78.400.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		50.843.936.103	49.797.958.136
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		112.007.470.564	31.671.431.791
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		12.618.396.605	10.751.872.445
421b	LNST chưa phân phối năm nay		99.389.073.959	20.919.559.346
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		529.843.142.104	368.451.833.688

Nguyễn Tô Duy
Người lập

Nguyễn Tô Duy
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu Trà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.672.407.022.436	1.402.395.478.490
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	120.786.350.851	102.386.479.090
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.551.620.671.585	1.300.008.999.400
11	4. Giá vốn hàng bán	24	1.299.716.914.172	1.162.368.483.210
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		251.903.757.413	137.640.516.190
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	1.914.627.575	3.008.672.712
22	7. Chi phí tài chính	26	13.687.403.058	16.765.177.043
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		6.998.953.132	9.606.599.565
25	8. Chi phí bán hàng	27	65.777.866.317	43.719.916.578
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	46.867.725.698	51.082.083.086
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		127.485.389.915	29.082.012.195
31	11. Thu nhập khác	29	114.624.680	407.408.212
32	12. Chi phí khác	30	24.736.701	224.188.814
40	13. Lợi nhuận khác		89.887.979	183.219.398
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		127.575.277.894	29.265.231.593
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	28.186.203.935	8.345.672.247
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>99.389.073.959</u>	<u>20.919.559.346</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	7.717	2.668

Nguyễn Tô Duy
Người lập

Nguyễn Tô Duy
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu Trà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.722.630.595.144	1.345.580.268.486
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.553.180.258.444)	(1.220.294.485.926)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(53.509.071.226)	(40.805.564.463)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(15.932.513.444)	(10.683.409.405)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.222.395.949)	(6.909.987.420)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.465.870.102	3.121.660.416
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(32.717.264.765)	(20.897.686.894)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		62.534.961.418	49.110.794.794
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(36.679.399.035)	(8.390.860.216)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	377.980.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		338.112.744	84.441.517
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(36.341.286.291)	(7.928.438.699)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		78.400.000.000	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(302.840.124)	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		932.626.544.634	1.039.075.492.274
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(938.353.886.827)	(1.079.265.351.125)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		72.369.817.683	(40.189.858.851)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		98.563.492.810	992.497.244
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		10.953.613.465	9.961.026.009
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.866.024	90.212
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>109.518.972.299</u>	<u>10.953.613.465</u>


Nguyễn Tô Duy
Người lập


Nguyễn Tô Duy
Kế toán trưởng


Đỗ Thị Thu Trà
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú được chuyển đổi từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Cơ điện Trần Phú theo Quyết định số 416/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 25/01/2010. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106063 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/02/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 22/09/2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 41 - Phương Liệt - Thanh Xuân - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 156.800.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 156.800.000.000 đồng; tương đương 15.680.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Đúc sắt thép, kim loại màu, sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất mô tơ, máy phát điện, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất dây, sợi quang học, cáp điện và điện tử, thiết bị điện, thiết bị chiếu sáng, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, khu đô thị, lắp đặt hệ thống điện và cấp thoát nước;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông, máy móc thiết bị điện, vật liệu điện;
- Bán buôn sắt thép, quặng kim loại dạng nguyên sinh và bán thành phẩm;
- Kinh doanh kho bãi và lưu trữ hàng hóa trong kho;
- Quảng cáo thương mại, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất dây và cáp điện;
- Cho thuê máy móc thiết bị sản xuất dây cáp điện các loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải bằng ô tô các loại hình như vận tải hành khách theo tuyến cố định, theo hợp đồng;
- Dạy nghề công nhân kỹ thuật chế tạo dây cáp điện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Thông tin về các công ty liên kết Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 39.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05-08 năm
- Tài sản cố định khác	05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	08 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Các khoản vay và chi phí đi vay

Các khoản vay và nợ phải trả được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	942.043.259	361.281.723
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	108.576.929.040	10.592.331.742
	<u>109.518.972.299</u>	<u>10.953.613.465</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

Số 41 - Phương Liệt - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

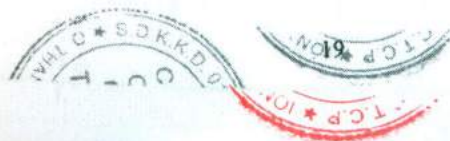
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	60.836.620.863	(32.104.320.547)	60.607.780.739	(32.104.320.547)
- Công ty Cổ phần Dây và Ống đồng Trần Phú	34.731.246.282	(32.104.320.547)	34.859.552.566	(32.104.320.547)
- Công ty Cổ phần Dây điện và Phích cắm Trần Phú (*)	26.105.374.581	-	25.748.228.173	-
	60.836.620.863	(32.104.320.547)	60.607.780.739	(32.104.320.547)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Dây và Ống đồng Trần Phú	Hà Nội	40,88%	40,88%	Sản xuất và kinh doanh dây và cáp điện các loại.
- Công ty Cổ phần Dây điện và Phích cắm Trần Phú	Hà Nội	40,66%	40,66%	Sản xuất và kinh doanh dây, cáp điện và các loại thiết bị phụ tùng phục vụ ngành điện và chiếu sáng.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 38.



11/12/2015

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH TM Phương Dung	4.426.079.303	2.809.209.546
- Công ty CP Sản xuất Thanh Văn	30.085.019.054	31.024.813.478
- Công ty TNHH Sản xuất TM DV Thảo Tâm	3.902.180.038	3.902.180.038
- Các khoản phải thu khách hàng khác	6.135.079.525	22.316.717.430
	44.548.357.920	60.052.920.492
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.	-	2.828.549.841

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	130.000.000	-	40.430.000	-
Ký cược, ký quỹ	111.574.560	-	111.574.560	-
Phải thu khác	167.429.749	-	4.891.448	-
	409.004.309	-	156.896.008	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	-	-	1.000.000.000	-
	-	-	1.000.000.000	-

7 . DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Năm PS	Tỷ lệ trích	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quyết Tiến	2005	100%	(29.448.100)	(29.448.100)
- Công ty Dịch vụ Sản xuất và XNK Châu Á	2005	100%	(2.701.189.620)	(2.701.189.620)
- Xí nghiệp Dịch vụ TH và XD	2005	100%	(58.384.153)	(58.384.153)
- BQL các dự án đầu tư nguồn ODA tỉnh Quảng Nam	1997	100%	(111.574.560)	(111.574.560)
- Công ty TNHH Sản xuất Dây và Cáp điện xây lắp Hoàng Phát	2005	100%	(12.932.284)	(22.932.284)
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty công nghiệp Tàu thủy Nam Triệu	2008	100%	-	(1.000.242.420)
- Công ty Xây dựng số 2	2003	100%	(59.980.800)	(59.980.800)
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân (tiền gốc)	2012	100%	(21.796.822.782)	(15.915.632.044)
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân (tiền lãi)	2011	100%	(8.288.196.272)	(8.288.196.272)
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thảo Tâm	2012	100%	(3.902.180.038)	(2.731.526.027)
- Công ty Cổ phần Dây và Ống đồng Trần Phú	2013	70%	-	(1.414.927.245)
			<u>(36.960.708.609)</u>	<u>(32.334.033.525)</u>

8 . TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2015		01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
- Hàng tồn kho (*)	67,5 tấn	13.138.456.729	67,5 tấn	13.138.456.729
		<u>13.138.456.729</u>		<u>13.138.456.729</u>

(*) Lô hàng lưu tại kho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hùng Vương từ tháng 03/2011 đã bị Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hùng Vương chiếm đoạt. Công ty đã gửi đơn tố cáo lên cơ quan chức năng. Hiện nay các cơ quan chức năng vẫn đang tiến hành xem xét theo đúng trình tự pháp luật hiện hành, và sẽ thông báo cho Công ty ngay sau khi có kết quả điều tra.

9 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Sản xuất Thanh Vân (phần gốc)	21.796.822.782	-	22.736.617.206	6.820.985.162
- Công ty Sản xuất Thanh Vân (phần lãi)	8.288.196.272	-	8.288.196.272	-
- Công ty Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Thảo Tâm	3.902.180.038	-	3.902.180.038	1.170.654.011
- Công ty Dịch vụ sản xuất và Xuất nhập khẩu Châu Á	2.701.189.620	-	2.701.189.620	-
- Các khoản khác	272.319.897	-	4.112.416.806	1.414.927.244
	<u>36.960.708.609</u>	<u>-</u>	<u>41.740.599.942</u>	<u>9.406.566.417</u>

Đến thời điểm 31/12/2015, Công ty chưa có đủ căn cứ để xác định chính xác giá trị có thể thu hồi của các khoản công nợ khó đòi trên. Hiện tại, Công ty vẫn đang tích cực thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi các khoản công nợ khó đòi trên.

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	91.324.615.816	-	32.436.342.147	-
Công cụ, dụng cụ	5.265.242.353	-	5.343.402.982	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	62.986.490.806	-	62.444.461.308	-
Thành phẩm	49.950.850.509	-	44.137.752.294	(711.728.782)
	<u>209.527.199.484</u>	<u>-</u>	<u>144.361.958.731</u>	<u>(711.728.782)</u>

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	83.984.639.924	90.518.405.028
Dự án "Đầu tư xây dựng di chuyển Nhà máy sản xuất dây cáp điện tại phường Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội" ⁽¹⁾	83.984.639.924	51.997.550.935
- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng xây dựng nhà máy mới	13.318.305.627	13.318.305.627
- Chi phí chung khác xây dựng nhà máy mới	21.971.276.212	21.296.869.068
- Xây dựng nhà HC, ăn ca	6.097.243.138	6.097.243.138
- Sân đường nội bộ và thoát nước	5.084.570.522	97.365.049
- San nền kê đá Nhà máy mới	7.495.308.073	7.495.308.073
- Hàng rào nhà máy	780.399.224	394.331.042
- Nhà xưởng số 01	22.685.223.730	1.069.414.459
- Nhà xưởng số 02	16.260.091	16.260.091
- Trạm cấp nước	2.437.073.768	1.512.049.395
- Đường dây 22KV và trạm biến áp 12.000KVA-22/0.4KV	3.551.308.539	152.733.993
- Kè đất và hàng rào tạm	547.671.000	547.671.000
Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Vĩnh Phúc	-	38.520.854.093
Mua sắm tài sản cố định ⁽²⁾	5.413.350.655	5.358.805.200
- Máy bện 37 sợi khung cứng (Hoàng Minh)	2.939.309.100	2.939.309.100
- Máy bọc 150 (Hoàng Minh)	2.419.496.100	2.419.496.100
- Thiết bị dây chuyền sản xuất dây điện	54.545.455	-
	89.397.990.579	95.877.210.228

(1) Dự án "Đầu tư xây dựng di chuyển nhà máy sản xuất dây cáp điện" được triển khai làm 2 giai đoạn. Giai đoạn 01 bắt đầu triển khai từ năm 2010 bao gồm giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng, di dời nhà máy với các hạng mục dở dang nêu trên, dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng tháng 10/2015. Giai đoạn 2 thực hiện xây dựng các hạng mục nhà xưởng còn lại và đầu tư thêm máy móc thiết bị mở rộng sản xuất dự kiến bắt đầu từ tháng 10/2015 và kết thúc vào tháng 10/2016. Tuy nhiên, đến thời điểm kiểm toán giai đoạn 1 vẫn đang được thực hiện.

(2) Máy bện 37 sợi và máy bọc 150 mua mới của Công ty TNHH MTV Sản xuất và Dịch vụ Hoàng Minh năm 2012 và sẽ được công ty đưa vào lắp đặt vận hành khi dự án đầu tư xây dựng di chuyển nhà máy sản xuất dây cáp điện đi vào hoạt động.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	6.581.016.368	205.175.581.678	7.876.163.177	441.846.904	-	220.074.608.127
- Mua trong năm	21.476.920.922	17.091.057.171	-	555.742.000	77.000.000	39.200.720.093
Số dư cuối năm	28.057.937.290	222.266.638.849	7.876.163.177	997.588.904	77.000.000	259.275.328.220
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	5.527.575.453	177.872.536.260	3.961.298.852	341.106.320	-	187.702.516.885
- Khấu hao trong năm	601.294.589	6.122.054.451	528.857.352	53.833.445	3.550.555	7.309.590.392
Số dư cuối năm	6.128.870.042	183.994.590.711	4.490.156.204	394.939.765	3.550.555	195.012.107.277
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	1.053.440.915	27.303.045.418	3.914.864.325	100.740.584	-	32.372.091.242
Tại ngày cuối năm	21.929.067.248	38.272.048.138	3.386.006.973	602.649.139	73.449.445	64.263.220.943

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 165.220.139.184 đồng.

